

Bản án số: 36/2024/HSST

Ngày: 10/10/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Văn Trọng và ông Bùi Văn Luận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc tham gia phiên tòa: Ông Đinh Mạnh Cơ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2024/HSST ngày 13 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST- HS ngày 25 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: **Nguyễn Đình T**; sinh ngày 22/02/1976.

Nơi cư trú: Khu A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình N (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; Có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; Có 02 con sinh năm 1999 và sinh năm 2015; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/5/2024 đến ngày 15/6/2024. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, được triệu tập, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo: **Võ Như H**, sinh ngày 30/10/1992

Nơi cư trú: Khu T, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hoà Bình.

Nghề nghiệp: Nguyên quân nhân công tác tại Kho 802, Cục Quân khí, Tổng cục kỹ thuật Bộ Quốc Phòng. Ngày 31/5/2024 bị cáo phục viên theo Quyết định phục viên số 2386/QĐ-QK của Tổng cục Kỹ thuật, Cục quân khí.

Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Như P, sinh năm 1966 và bà Trần Thị L, sinh năm 1966; Có vợ là Trần Thị T, sinh

năm 1993, có 01 con sinh năm 2021; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/6/2024 đến nay, được triệu tập có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo: **Nguyễn Viết D**; sinh ngày 09/12/1999.

Nơi cư trú: Khu A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Viết H, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; Có vợ là Nguyễn Thu H, sinh năm 1999; Có 01 con sinh năm 2023; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/5/2024 đến ngày 15/6/2024. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, được triệu tập có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo: **Đinh Thị T1**; sinh ngày 01/5/1990.

Nơi cư trú: Xóm L, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn T (đã chết) và bà Trịnh Thị V, sinh năm 1959; Có chồng là Bùi Văn T, sinh năm 1988 (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2014; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 16/6/2024 đến nay, được triệu tập có mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1985; Nơi thường trú: Khu C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hoà Bình (Vắng mặt có lý do).

2. Anh Phùng Xuân H, sinh năm 1979; Nơi thường trú: Khu 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình (Có mặt).

3. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1988 và chồng là Phạm Văn C, sinh năm 1990, cùng trú tại: Tổ 01, phường K, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Ngọc L, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Tổ 5, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt).

5. Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – chi nhánh huyện Tân Lạc

Địa chỉ: Khu Tâm Đức, thị trấn Mãn Đức, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Ngọc A, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Agribank chi nhánh huyện Tân Lạc.

Đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Bùi Anh T, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Agribank chi nhánh Tân Lạc – (Có mặt)

5. Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Khu C, thị trấn M, huyện

T, tỉnh Hoà Bình (Vắng mặt có lý do)

6. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Khu A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hoà Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở các tài liệu điều tra xác định:

Trong quá trình kinh doanh từ ngày 08/7/2023 đến ngày 27/3/2024 Nguyễn Đình T, Nguyễn Viết D, Võ Như H và Đinh Thị T có nhận cho vay có thể chấp, cầm cố xe ô tô để thu lời đối với 03 người vay tiền với tổng số tiền vay là 700.000.000đồng, với mức lãi suất từ 3.000đồng đến 4.000đồng/1 triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần tương đương là 109,5% đến 146,0%/ 1 năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá từ 5,47% đến 7,3 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự. Các bị cáo T, H, D và T thu lời bất chính số tiền 131.010.274đồng (thực tế người vay đã trả số tiền 101.708.219đồng). Quá trình cho vay, Nguyễn Đình T đã chỉ đạo Nguyễn Viết D theo dõi, ghi chép lại, cũng không có mức lãi suất cố định mà tùy vào từng người vay, thời điểm và giá trị tài sản cầm cố cụ thể. Khi cho vay, T, D yêu cầu người vay và Võ Như H là người có tài sản cho thuê viết giấy vay, viết giấy bán xe, để lại xe cùng đăng ký xe để ràng buộc người vay trả nợ, đóng lãi đúng hạn. Từ ngày 08/7/2023 đến 27/3/2024, T, H, D và T đã có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự cụ thể như sau:

1. Cho anh Phạm Văn H1, sinh năm 1985, trú tại khu C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hoà Bình vay số 03 lần với tổng số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày (trong đó lãi suất ăn chia như sau: T và D được hưởng 2.000đ; H được hưởng 1.000đồng), cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 08/7/2023, anh H thuê xe ô tô DongBen BKS 28C-069.13 của Võ Như H, sau đó được H giới thiệu cho anh H mang chiếc xe trên đến chỗ Nguyễn Đình T để vay tiền. Sau đó, anh H đến gặp Nguyễn Đình T và thống nhất T cho anh H vay số tiền là 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/ 1triệu/ 1ngày (trong đó: T và D được hưởng 2.000 đồng, H được hưởng 1.000 đồng). Thực tế, từ khi vay tiền đến ngày 05/8/2023 (30 ngày), anh H đã trả lãi cho T số tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 4.500.000 đồng (trong đó: T và D được hưởng 3.000.000 đồng, H được hưởng 1.500.000 đồng), tương đương với mức lãi suất là 109,50%/ 1 năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 5,48 lần, trong đó:

+ Số tiền lãi hợp pháp mà T, D và H được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 821.918 đồng (trong đó: T và D được hưởng 547.945 đồng; H được hưởng 273.973 đồng).

+ Số tiền mà T, D và H thu lợi bất chính từ khoản vay thứ Nhất của là 3.678.082 đồng (trong đó: T và D được hưởng 2.452.055 đồng; H được hưởng 1.226.027 đồng).

- Lần 2: Anh H thuê xe ô tô Avanza BKS 28A-200.13 của Võ Như H, sau đó mang xe đến chỗ Nguyễn Đình T để vay số tiền là 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/1triệu/1ngày. Thực tế, từ khi vay tiền đến ngày 02/10/2023 (20 ngày), anh H đã trả

lãi cho T số tiền lãi 12.000.000 đồng (T, D được hưởng 8.000.000 đồng; H được hưởng 4.000.000 đồng), tương đương với mức lãi suất là 109,50%/ 1 năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 5,48 lần, trong đó:

+ Số tiền lãi hợp pháp mà T, D, H được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 2.191.781 đồng (trong đó: T và D được hưởng 1.461.187 đồng; H được hưởng 730.594 đồng).

+ Số tiền mà T, D, H thu lợi bất chính là 9.808.219 đồng (trong đó: T và D được hưởng 1.461.187 đồng; H được hưởng 730.594 đồng).

- Lần 3: Ngày 02/10/2023, anh H phải làm hợp đồng bán xe ô tô I10 BKS 28A-174.81 của mình cho Võ Như H, sau đó, anh H đến gặp D để lấy xe ô tô Avanza BKS 28A-200.13 trả Võ Như H và vay thêm T, số tiền là 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/ 1triệu/ 1ngày (T và D được hưởng 2.000 đồng, H được hưởng 1.000 đồng). Anh H với T và H thỏa thuận tính tổng khoản vay thứ hai và thứ ba với nhau thành tổng tiền vay 250.000.000 đồng.

Thực tế, từ khi vay tiền đến ngày 09/7/2023 (40 ngày), vợ anh H là chị Trần Thị Kim T đã trả cho T số tiền gốc là 250.000.000đồng và số tiền lãi 30.000.000đồng (khi trả chị T đã xin T giảm 10.000.000 đồng tiền lãi, T đã đồng ý nên thực tế chị T chỉ phải trả số tiền lãi là 20.000.000 đồng) cho lãi vòng 2 của khoản vay thứ hai và lãi vòng 1 của khoản vay thứ ba, tương đương với mức lãi suất là 109,50%/ 1 năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 5,48 lần. Sau khi nhận tiền của chị T, T đã chỉ đạo D chuyển cho Võ Như H số tiền lãi là 10.000.000 đồng theo thỏa thuận. Như vậy:

+ Số tiền lãi hợp pháp mà T, D và H được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 5.479.452 đồng (trong đó: T và D được hưởng 3.652.968 đồng; H được hưởng 1.826.484 đồng).

+ Số tiền mà T, D và H thu lợi bất chính là 24.520.548 đồng (trong đó: T và D được hưởng 16.347.032 đồng; H được hưởng 8.173.516 đồng).

Tổng số tiền mà Nguyễn Đình T, Nguyễn Viết D, Võ Như H cùng nhau thu lợi bất chính của anh Nguyễn Văn H là: 3.678.082 đồng + 9.808.219 đồng + 24.520.548 đồng = 38.006.849 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Đình T, Nguyễn Viết D sử dụng cho anh H vay là 300.000.000 đồng. Hiện anh H đã trả toàn bộ số tiền gốc trên.

2. Cho anh Phùng Xuân H, sinh năm 1979, trú tại khu 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hoà Bình vay số 01 lần với tổng số tiền 150.000.000đồng với lãi suất 3.000 đồng/ 1 triệu/1 ngày (trong đó lãi suất ăn chia như sau: T và D được hưởng 2.000đ; H và T1 mỗi người hưởng 500đ), cụ thể như sau:

Ngày 26/9/2023, thông qua Đình Thị T1 - nhân viên quán cho thuê xe của Võ Như H, anh H thuê xe ô tô Toyota Avanza BKS 28C-069.13 của Võ Như H. Đến ngày 03/10/2023, H nói với T1 về việc muốn cầm cố xe ô tô trên để vay tiền, T1 đã giới thiệu và mang xe đến chỗ Nguyễn Đình T để vay số tiền là 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/ 1triệu/ 1ngày (T và D được hưởng 2.000 đồng; H được hưởng 500 đồng, T1 được hưởng 500 đồng). Thực tế, từ khi vay tiền đến ngày 23/3/2024, anh H đến gặp

T và D để thống nhất tiền lãi phải trả, T và D thống nhất anh H sẽ phải trả tổng số tiền lãi 77.850.000 đồng cho 173 ngày từ ngày 03/10/2023 đến ngày 23/3/2024, anh H đã trả số tiền 52.000.000 đồng, còn nợ chưa trả số tiền lãi là 25.850.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là 109,5%/ 1 năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 5,48 lần, trong đó:

+ Số tiền lãi hợp pháp mà T, D, H và T1 được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 14.219.178 đồng (trong đó: T và D được hưởng 9.479.452 đồng; H được hưởng 2.369.863 đồng; T1 được hưởng 2.369.863 đồng).

+ Số tiền mà T, D, H và T1 thu lợi bất chính là 63.630.822 đồng (trong đó: T và D được hưởng 42.420.548 đồng; H được hưởng 10.605.137 đồng; T1 được hưởng 10.605.137 đồng).

Số tiền Nguyễn Đình T, Nguyễn Viết D sử dụng cho anh H vay là 150.000.000 đồng. Hiện anh H chưa trả toàn bộ số tiền gốc trên cho T và D.

3. Cho chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1988 và chồng là anh Phạm Văn C, sinh năm 1990, cùng trú tại tổ 1, phường K, thành phố H, tỉnh Hoà Bình, vay nhiều lần với tổng số tiền 250.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng đến 4.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày (trong đó lãi suất ăn chia như sau: T và D được hưởng 2.000 đồng; T1 được hưởng 1.000 đồng đến 2.000 đồng), cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 21/10/2023, theo lời khai của D, T và T1 thì chị M liên hệ với Đình Thị T1 trao đổi về việc muốn cầm cố xe ô tô Xpander BKS 28A-120.14, T1 liên hệ với Nguyễn Đình T và thống nhất về việc cho chị M cầm cố chiếc xe trên, T đồng ý. Ngày 23/10/2023, chị M cùng chồng là anh Phạm Văn C, sinh năm 1990, trú tại tổ 1, phường K, thành phố H, tỉnh Hoà Bình mang xe đến gặp Nguyễn Viết D để viết giấy vay số tiền là 50.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 4.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày (T và D được hưởng 2.000 đồng; T1 được hưởng 2.000 đồng), tài sản cầm cố là xe ô tô BKS 28A-120.14. Thực tế, từ khi vay tiền đến ngày 11/12/2023 (48 ngày), chị M đã đưa cho T1 số tiền lãi 9.600.000 đồng (trong đó: T và D được hưởng 4.800.000 đồng; T1 hưởng 4.800.000 đồng), tương đương với mức lãi suất là 146%/ 1 năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 7,30 lần, trong đó:

+ Số tiền lãi hợp pháp mà T, D và T1 được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.315.068 đồng (trong đó: T và D được hưởng 657.534 đồng; T1 được hưởng 657.534 đồng).

+ Số tiền mà T, D và T1 thu lợi bất chính là 8.284.932 đồng (trong đó: T và D được hưởng 4.142.466 đồng; T1 được hưởng 4.142.466 đồng).

- Ngoài ra từ ngày 23/10/2023 đến ngày 17/11/2023, thông qua T1, chị M liên hệ với Nguyễn Đình T để nhiều lần vay thêm tiền, tổng số tiền vay là 200.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 3.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày (T và D được hưởng 2.000 đồng; T1 được hưởng 1.000 đồng). Thực tế, đến ngày 11/12/2023, chị M đã trả lãi cho T số tiền gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi 25.800.000 đồng của 43 ngày cho các lần vay (trong đó: T và D hưởng 17.200.000 đồng; T1 được hưởng 8.600.000 đồng), tương đương với mức lãi suất là 109,5%/ 1 năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 5,48 lần, trong đó:

+ Số tiền lãi hợp pháp mà T, D và T1 được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 4.712.329 đồng (trong đó: T và D được hưởng 3.141.553 đồng; T1 được hưởng 1.570.776 đồng).

+ Số tiền mà T, D và T1 thu lợi bất chính là 21.087.671 đồng (trong đó: T và D được hưởng 14.058.447 đồng; T1 được hưởng 7.029.224 đồng).

Tổng số tiền mà Nguyễn Đình T, Nguyễn Viết D, Đinh Thị T1 cùng nhau thu lợi bất chính của chị Nguyễn Thị M là: 8.284.932 đồng + 21.087.671 đồng = 29.372.603 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Đình T, Nguyễn Viết D sử dụng cho chị M vay là 250.000.000đồng. Đinh Thị T1 là người nhắn tin, gọi điện đôn đốc chị M trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Theo lời khai của T, D và T1 chị M đã trả toàn bộ số tiền gốc trên và lấy xe ô tô Xpander BKS 28A-120.14 về.

Các ngày 03 và 04/5/2025 anh H và anh H1 đã đến cơ quan Công an tố cáo hành vi phạm tội của Nguyễn Đình T và Nguyễn Viết D. Ngày 06/5/2024 và ngày 05/6/2024 Đinh Thị T1 và Võ Như H đến cơ quan Công an đầu thú.

Trong thời gian từ ngày 08/7/2023 đến ngày 27/3/2024, bị cáo Nguyễn Đình T đã chỉ đạo Nguyễn Viết D hướng dẫn người vay viết giấy vay tiền và thu tiền lãi của người vay khi đến hạn. Khi có khách thuê xe ô tô có nhu cầu cầm cố hoặc cần vay tiền thì Võ Như H và Đinh Thị T1 sẽ dẫn khách đến chỗ T, D vay tiền đã cho 04 người vay tiền gồm Phạm Văn H1, Phùng Xuân H và vợ chồng Nguyễn Thị M với Phạm Văn C vay tổng số tiền là 700.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận từ 3.000đồng đến 4.000đồng/1 triệu/1 ngày tương đương với lãi suất từ 109,5% đến 146,1%/1 năm, vượt quá 5,48 đến 7,30 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. H và T1 sẽ được hưởng lợi nhuận tùy từng mã vay khác nhau.

Như vậy tiền lãi mà T, H, D và T1 đã thu lợi bất chính số tiền 131.010.274đ (*Một trăm ba mươi một triệu không trăm mười nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng*), làm tròn số 131.010.000đ (*Một trăm ba mươi một triệu không trăm mười nghìn đồng*) (thực tế người vay đã trả số tiền 101.637.671đồng), trong đó:

- Nguyễn Đình T cùng H, D và T1 thu lợi bất chính số tiền 101.637.671đ (*Một trăm linh một triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng*), làm tròn số 101.638.000đ (*Một trăm linh một triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng*), (thực tế người vay đã trả số tiền là 83.589.041đồng);

- Đinh Thị T1 cùng với T, D và H thu lợi bất chính số tiền 93.003.425đ (*Chín mươi ba triệu không trăm linh ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng*), làm tròn số 93.003.000đ (*Chín mươi ba triệu không trăm linh ba đồng*) (thực tế người vay đã trả 82.091.781đồng).

Ngày 15/5/2024, Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Hòa Bình có văn bản số 53/TTGSNH về việc xác nhận kết quả tính lãi suất và số tiền thu lợi bất chính của Nguyễn Đình T, Võ Như H và Nguyễn Viết D đều trú tại thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa, bị cáo Đinh Thị T1 trú tại xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình là đúng quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng. Số tiền mà T cùng đồng bọn đã cho 3 người

liên quan là H1, H và vợ chồng M, C số tiền gốc là 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*), số tiền lãi đã thu là 159.750.000đ (*Một trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó: Số tiền lãi tối đa theo Bộ luật dân sự mà T được hưởng là 28.739.726đồng; số tiền vượt so với mức tối đa theo Bộ luật dân sự mà T cùng đồng phạm đã thu là 131.010.274đồng) với lãi suất thấp nhất là 109,5%/1 năm, lãi suất cao nhất là 146,0%/1 năm; vượt quá từ 5,47 lần đến 7,3 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Đình T, Võ Như H, Nguyễn Viết D và Đinh Thị T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, phù hợp với các tài liệu điều tra thu thập được.

Cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 11/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình, truy tố Nguyễn Đình T, Võ Như H và Nguyễn Viết D về “*Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201, truy tố Đinh Thị T1 về “*Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố. Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1,2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt Nguyễn Đình T từ 8 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định; Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt Võ Như H từ 7 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và khoản 1,2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Viết D từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Đinh Thị T1 từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự xử phạt bổ sung các bị Nguyễn Đình T 50.000.000đồng; Võ Như H 40.000.000đồng; Nguyễn Viết D phạt bổ sung 30.000.000đồng; Đinh Thị T1 phạt bổ sung 30.000.000đồng.

Về các biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Nguyễn Đình T, Võ Như H, Nguyễn Viết D và Đinh Thị T1 phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền lãi đã thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tịch thu sung quỹ số tiền gốc các bị cáo để cho vay; Tịch thu tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà các bị cáo đã thu của người vay; Tịch thu tiền các bị cáo đã thu lời bất chính và số tiền lãi các bị cáo được hưởng lợi. Trả lại cho những người liên quan số tiền mà các bị cáo đã cho vay thu lời bất chính, cụ thể là:

Nguyễn Đình T, Nguyễn Viết D phải trả lại cho anh Phạm Văn H1 số tiền 17.164.384 đồng; trả lại cho anh Phùng Văn H số tiền 28.607.306 đồng; trả lại cho chị Nguyễn Thị M số tiền 18.200.913 đồng.

Võ Như H phải trả lại cho anh Phạm Văn H1 số tiền 12.668.950 đồng; trả lại cho anh Phùng Văn H số tiền 6.947.489 đồng;

Đinh Thị T1 phải trả lại cho anh trả lại cho anh Phùng Văn H số tiền 6.947.489 đồng; trả lại cho chị Nguyễn Thị M số tiền 11.171.689 đồng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền lãi hợp pháp mà T, D, H và T1 đã được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, cụ thể:

Tịch thu số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Đình T, Nguyễn Viết D đã nhận: 14.027.397 đồng.

Tịch thu số tiền lãi hợp pháp mà Võ Như H đã nhận: 4.383.562 đồng.

Tịch thu số tiền lãi hợp pháp mà Đinh Thị T1 đã nhận: 3.780.822 đồng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền gốc anh Phùng Xuân H đã vay chưa trả cho Nguyễn Đình T: 150.000.000 đồng;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 550.000.000 đồng mà bị can Nguyễn Đình T dùng để cho vay mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả lại cho Nguyễn Đình T.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a,b Điều 47 BLHS; điểm a, ba khoản 2 Điều 106 BLTTHS đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền lãi hợp pháp mà T, D, H và T1 đã được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, cụ thể:

- Tịch thu số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Đình T, Nguyễn Viết D đã nhận 14.027.397 đồng
- Tịch thu số tiền lãi hợp pháp mà Võ Như H đã nhận 4.383.562 đồng
- Tịch thu số tiền lãi hợp pháp mà Đinh Thị T1 đã nhận 3.780.822 đồng
- Tịch thu sung quỹ nhà nước tiền gốc anh Phùng Xuân H đã vay chưa trả cho Nguyễn Đình T số tiền 150.000.000 đồng
- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 550.000.000 đồng mà bị cáo T dùng để cho vay mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả cho T.
- Tịch thu phát mại sung công 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro max, màu xanh rêu số IMEI: 358538325210349 cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Viết D và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max màu trắng số IMEI: 353776393370414 cũ đã qua sử dụng của Đinh Thị T1;
- Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Avanza màu trắng, biển kiểm soát 28A-200.13 số khung RLAB1BB2P6001002, số máy 2RNY068282 cũ đã qua sử dụng đây là tài sản bị cáo Võ Như H đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh huyện Tân Lạc theo Hợp đồng tín dụng số 3007LAV202401253 ngày 03/5/2024 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh huyện Tân Lạc với Võ Như H để vay số tiền 877.000.000 đồng. Do đó để đảm bảo cho khoản vay cần đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe ô tô cho Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh Tân Lạc. Đối với số tiền 15.000.000 đồng do Nguyễn Đình T giao nộp và số tiền 10.000.000 đồng do Võ Như H giao nộp để khắc phục hậu quả sẽ được đối trừ vào khoản tiền của các bị cáo bị truy thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với 01 USB ghi âm do anh Phùng Xuân H giao nộp; 01 quyển vở ô ly, 01 giấy nhận nợ mang tên Võ Như H, 02 giấy nhận nợ mang tên Nguyễn Thị M, 01 giấy nhận nợ mang tên Phùng Xuân H và 01 hợp đồng mua bán xe ô tô giữa chị Trần Thị Kim T, anh Phạm Văn 1 với Võ Như H các vật chứng này được lưu theo hồ sơ làm tài liệu chứng cứ của vụ án.

Các bị cáo T, H, D và T1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và nhất trí với bản luận tội, phần tranh luận bị cáo Tình có ý kiến về số tiền 150.000.000 đồng mà bị cáo cho H vay chưa trả lại cho bị cáo thì số tiền này có được trả lại cho bị cáo không? Kiểm sát viên tranh

lượn nêu quan điểm số tiền này sẽ bị tịch thu từ Phùng Xuân H để nộp ngân sách Nhà nước. Các bị cáo H, và T1 không có ý kiến gì, cả 4 bị cáo không kêu oan.

Lời sau cùng, các bị cáo đều ăn năn hối cải, xin được hưởng mức án thấp nhất để có cơ hội cải tạo và lao động để trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định tội danh: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện trong quá trình kinh doanh, Nguyễn Đình T, Võ Như H, Nguyễn Viết D và Đinh Thị T1 có nhận cho vay có thể chấp, cầm cố xe ô tô để thu lời tại nhà riêng bị cáo thuộc khu A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Các bị cáo đã cùng nhau bàn bạc thực hiện cho cho 04 cá nhân vay nhiều lần, quá trình cho vay, bị cáo T chỉ đạo bị cáo D là con rể ở cùng nhà ghi chép lại và đôn đốc người vay khi đến hạn trả nợ lãi và gốc các khoản cho vay. Bị cáo H có cửa hàng cho thuê xe tự lái và bị cáo Đinh Thị T1 là nhân viên. Khi có khách thuê xe có nhu cầu cầm cố xe để vay tiền thì T1 trao đổi với H để H trao đổi với T và T, D cho vay với mức lãi suất không cố định mà tùy từng người vay, thời điểm vay và giá trị tài sản cầm cố cụ thể (tương đương với mức lãi suất từ 109,5% đến 146%/1 năm), vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự từ 5,48 lần đến 7,30 lần. Trong quá trình cho vay thì D, T1 liên hệ trao đổi, thúc giục người vay trả lãi khi nhận được tiền do người vay chuyển khoản thì T1, H chuyển khoản cho D qua số tài khoản cá nhân của các bị cáo. Tổng số tiền các bị cáo đã cho Phạm Văn H1, Phùng Xuân H, vợ chồng Nguyễn Thị M, Phạm Văn C vay là 700.000.000đồng; Số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo T và D tổng số tiền bị truy cứu trách nhiệm hình sự là 131.010.274đồng (*Một trăm ba mươi một triệu, không trăm mười nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng*) làm tròn số 131.010.000đồng (*Một trăm ba mươi một triệu, không trăm mười nghìn đồng*); Bị cáo Võ Như H đồng phạm với T, D số tiền thu lợi bất chính tổng số tiền 101.637.671đồng (*Một trăm linh một triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng*), làm tròn số 101.638.000đồng (*Một trăm linh một triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng*); Bị cáo Đinh Thị T1 đồng phạm với T, H và D thu lợi bất chính tổng số tiền 93.003.425đồng (*Chín mươi ba triệu không trăm linh ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng*), làm tròn số 93.003.000đồng (*Chín mươi ba triệu không trăm linh ba nghìn đồng*). Như vậy bị cáo Nguyễn Đình T, Võ Như H và Nguyễn Viết D bị truy cứu về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Đinh Thị T1 bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo là những người trực tiếp thực hiện tội phạm, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ và lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa bàn huyện Tân Lạc. Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là một tệ nạn xã hội đang có chiều hướng gia tăng và là nguyên nhân dẫn đến những ảnh hưởng xấu về đời sống kinh tế, hạnh phúc của nhiều gia đình, ngoài ra nó còn là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến phát sinh các loại tội phạm khác từ hoạt động thu hồi nợ, xiết nợ.... Vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh, có mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Các bị cáo Nguyễn Đình T, Võ Như H, Nguyễn Viết D và Đinh Thị T1 là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ nhưng do ham lời bất chính, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện với lỗi cố ý, động cơ phạm tội là vụ lợi. Như vậy, đủ cơ sở kết luận hành vi của Nguyễn Đình T, Võ Như H, Nguyễn Viết D và Đinh Thị T1 đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4]. Đánh giá vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo:

Vai trò thứ nhất là bị cáo Nguyễn Đình T, bị cáo là chủ cửa hàng kinh doanh xe máy có địa chỉ trụ sở tại nhà riêng. Bị cáo đã bàn bạc với bị cáo H khi có khách thuê xe tại cửa hàng của H có nhu cầu cầm cố tài sản để vay tiền thì nói với T để cho vay, bị cáo đã chỉ đạo bị cáo D là con đẻ ở cùng nhà ghi chép, theo dõi và đôn đốc thu hồi nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận. Bị cáo trực tiếp giao dịch với người có nhu cầu vay vốn.

Vai trò thứ hai trong vụ án thuộc về bị cáo Võ Như H, bị cáo đã trực tiếp giao dịch với bị cáo T khi có khách thuê xe mà có nhu cầu cầm cố để vay tiền tại cửa hàng nhà bị cáo T, D. Bị cáo dùng tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Avanza biển kiểm soát 28A-200.13 là tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh Tân Lạc để cầm cố là trái quy định của pháp luật. Bị cáo được hưởng tiền thu lời bất chính số tiền từ 500đồng đến 1.000đồng/1 triệu/1 ngày. Bị cáo có vai trò thực hành trong việc cho vay giữa T, D, H với anh Phạm Văn H1 và Phùng Xuân H.

Vai trò thứ ba trong vụ án thuộc về bị cáo Nguyễn Viết D, bị cáo tham gia cho vay lãi nặng tuy không được biết rõ về giao dịch từ bị cáo T nhưng bị cáo D đã theo dõi, ghi chép sổ sách và đôn đốc thu hồi gốc và lãi suất qua tài khoản cá nhân. Sau khi nhận tiền gốc và lãi của những người vay tiền thì D theo sự chỉ đạo của T đã gửi qua tài khoản đến tài khoản của chị Nguyễn Thị L là mẹ vợ của bị cáo.

Vai trò cuối cùng trong vụ án thuộc về bị cáo Đinh Thị T, bị cáo có thời gian làm nhân viên tại cửa hàng của bị cáo H, đã kết nối với anh H thông qua bị cáo H để H trực tiếp giao dịch với T vay số tiền 150.000.000đồng, ngoài ra bị cáo T1 đã giới thiệu vợ chồng chị M, anh C đến vay tiền của T, D và được hưởng lợi số tiền từ 500đồng đến 1.000đồng/1 triệu/ 1 ngày.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của 4 bị cáo: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Nguyễn Đình T: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo đã tự nguyện nộp một phần tiền để khắc phục thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Võ Như H: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo đã tự nguyện nộp một phần tiền để khắc phục thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra, bị cáo đã đến đầu thú hành vi phạm tội, ngoài ra bị cáo có mẹ là Trần Thị L được tặng thưởng Huy chương Quân kỳ quyết thắng; bố là Võ Như P được tặng thưởng Huy chương Chiến sỹ vẻ vang. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Viết D: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Đinh Thị T1: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo đã đến đầu thú hành vi phạm tội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét cả 4 bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Cả 4 bị cáo đều phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, bản thân các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do đó xử phạt bị cáo hình phạt tù có điều kiện và cải tạo không giam giữ cũng đủ cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo bị áp dụng hình phạt chính không phải là hình phạt tiền, việc các bị cáo cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thu lời bất chính nên xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với cả 04 bị cáo theo quy định. Xét các bị cáo là lao động tự do, không có việc làm và thu nhập ổn định nên miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[5] Về nguồn gốc số tiền mà T và D sử dụng để cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quá trình điều tra xác định là Nguyễn Đình T dùng tiền của cá nhân T và vợ là Nguyễn Thị L để thực hiện kinh doanh và cho vay lãi nặng. Quá trình điều tra xác định Nguyễn Thị L không biết bị cáo T sử dụng tiền của gia đình để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm đối với Nguyễn Thị L trong vụ án này là có căn cứ, đúng quy định.

[6] Các biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc T, D sử dụng để cho những người vay gồm anh Phạm Văn H1, Phùng Xuân H, vợ chồng chị Nguyễn Thị M và Phạm Văn C vay tổng là 700.000.000đồng và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự là 14.027.000đồng (làm tròn số) cần truy thu nộp ngân sách nhà nước mỗi bị cáo T và D là 7.014.000đồng. Bị cáo T được đối trừ số tiền đã nộp khắc phục hậu quả 15.000.000đồng vào số tiền 7.014.000đồng, còn dư 7.986.000đồng sẽ được đối trừ tiếp ở phần hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

Truy thu số tiền 4.384.000đồng (làm tròn số) của bị cáo Võ Như H nộp ngân sách Nhà nước, đối trừ với số tiền 10.000.000đồng bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả, bị cáo còn dư 5.616.000đồng sẽ được đối trừ tiếp ở phần hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Đối với số tiền thu lời bất chính: buộc bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Viết D phải trả lại cho Phạm Văn H1 số tiền 17.164.000đồng (làm tròn số); trả lại cho anh Phùng Xuân H số tiền 28.607.000đồng (làm tròn số); trả lại cho vợ chồng chị Nguyễn Thị M, Phạm Văn C số tiền 18.201.000đồng (làm tròn số);

- Võ Như H phải trả lại cho anh Phạm Văn H1 số tiền 12.669.000 đồng (làm tròn số); trả lại cho anh Phùng Văn H số tiền 6.947.000 đồng (làm tròn số);

Đinh Thị T1 phải trả lại cho anh trả lại cho anh Phùng Xuân H số tiền 6.947.000 đồng (làm tròn số); trả lại cho chị Nguyễn Thị M, anh Phạm Văn C số tiền 11.172.000 đồng (làm tròn số).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền gốc anh Phùng Xuân H đã vay chưa trả gốc cho Nguyễn Đình T: 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*)

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 550.000.000đồng (*Năm trăm năm mươi triệu đồng*) mà bị cáo Nguyễn Đình T dùng để cho vay mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả lại cho Nguyễn Đình T.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử cần áp dụng phạt bổ sung đối với cả 4 bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu phát mại sung công 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro max, màu xanh rêu số IMEI: 358538325210349 cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Viết D và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max màu trắng số IMEI: 353776393370414 cũ đã qua sử dụng của Đinh Thị T1.
- Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Avanza màu trắng, biển kiểm soát 28A-200.13 số khung RLAB1BB2P6001002, số máy 2RNY068282 cũ đã qua sử dụng đây là tài sản bị cáo Võ Như H đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh huyện Tân Lạc theo Hợp đồng tín dụng số 3007LAV2024 ngày 03/5/2024 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh huyện Tân Lạc với Võ Như H để vay số tiền 877.000.000đồng. Đây là tài sản đang được thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh huyện Tân Lạc để đảm bảo cho khoản vay giữa bị cáo H và Ngân hàng nên cần trả lại xe ô tô BKS 28A-200.13 cho Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh Tân Lạc theo quy định. Đối với số tiền 15.000.000đồng do Nguyễn Đình T giao nộp và số tiền 10.000.000đồng do Võ Như H giao nộp để khắc phục hậu quả sẽ được đối trừ vào khoản tiền của các bị cáo bị truy thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với 01 USB ghi âm do anh Phùng Xuân H giao nộp; 01 quyển vở ô ly, 01 giấy nhận nợ mang tên Võ Như H, 02 giấy nhận nợ mang tên Nguyễn Thị M, 01 giấy nhận nợ mang tên Phùng Xuân H và 01 hợp đồng mua bán xe ô tô giữa chị Trần Thị Kim T, anh Phạm Văn H1 với Võ Như H các vật chứng này được lưu theo hồ sơ làm tài liệu chứng cứ của vụ án.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình T, Võ Như H, Nguyễn Viết D và Đinh Thị T1 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1.1- Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt Nguyễn Đình T 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 10 tháng 10 năm 2024.

Giao bị cáo Nguyễn Đình T cho Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trong trường hợp Nguyễn Đình T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Đình T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc Nguyễn Đình T phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Đình T số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng), trừ số tiền 7.986.000đồng (Bảy triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng), còn phải nộp tiếp 42.014.000đồng (Bốn mươi hai triệu không trăm mười bốn nghìn đồng)

1.2- Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Võ Như H 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 10 tháng 10 năm 2024.

Giao bị cáo Võ Như H cho Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trong trường hợp Võ Như H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Võ Như H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc Võ Như H phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo Võ Như H số tiền 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng), trừ số tiền 5.616.000đồng bị cáo đã nộp, còn phải nộp tiếp 34.384.000đồng (Ba mươi tư triệu, ba trăm tám mươi tư nghìn đồng)

1.3- Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Viết D 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 10 tháng 10 năm 2024.

Giao bị cáo Nguyễn Viết D cho Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trong trường hợp Nguyễn Viết D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Viết D cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc Nguyễn Viết D phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Viết D số tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

1.4 - Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Đinh Thị T1 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo Đinh Thị T1 được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao cho UBND xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình cùng với gia đình bị cáo T1 có trách nhiệm phối hợp để giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập cá nhân đối với các bị cáo Đinh Thị T1.

Phạt bổ sung bị cáo Đinh Thị T1 số tiền 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự:

2.1. Truy thu của bị cáo Nguyễn Đình T số tiền gốc dùng để cho vay là 550.000.000đồng (*Năm trăm năm mươi triệu đồng*) và số tiền lãi hợp pháp mà T, D đã thu 14.027.397đồng, làm tròn số 14.027.000đồng (*Mười bốn triệu không trăm hai mươi bảy đồng*). Số tiền này bị cáo T và D phải liên đới chịu trách nhiệm mỗi bị cáo phải nộp làm tròn số 7.014.000đồng (*Bảy triệu không trăm mười bốn nghìn đồng*).

2.2. Truy thu của bị cáo Võ Như H số tiền lãi là 4.383.562đồng (*Bốn triệu ba trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng*), làm tròn số 4.384.000đồng (*Bốn triệu ba trăm tám mươi tư nghìn đồng*). Đối trừ với số tiền 10.000.000đồng mà H đã nộp khắc phục hậu quả, còn dư 5.616.000đồng (*Năm triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng*) số tiền này được đối trừ vào phần hình phạt bổ sung.

2.3. Truy thu của bị cáo Đinh Thị T1 số tiền lãi là 3.780.822đồng (*Ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng*), làm tròn số 3.781.000đồng (*Ba triệu bảy trăm tám mươi một nghìn đồng*).

Buộc 04 bị cáo có trách nhiệm trả tiền lãi suất cho những người liên quan như sau:

* Buộc bị cáo Nguyễn Đình T liên đới cùng bị cáo Nguyễn Viết D phải trả lại số tiền thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể T phải trả $\frac{1}{2}$ và D phải trả $\frac{1}{2}$ trên tổng số tiền sau:

- Trả cho anh Phạm Văn H1: 17.164.384đồng, làm tròn số 17.164.000đồng (*Mười bảy triệu một trăm sáu mươi tư ngàn đồng*); Trả cho anh Phùng Xuân H số tiền 28.607.306đồng, làm tròn số 28.607.000đồng (*Hai mươi tám triệu sáu trăm linh bảy nghìn đồng*); Trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị M, anh Phạm Văn C số tiền 18.200.913đồng, làm tròn số 18.200.000đồng (*Mười tám triệu hai trăm nghìn đồng*). Tổng cộng là 63.971.000đồng : 2 = 31.985.500đồng (làm tròn số 31.986.000đồng), bị cáo Nguyễn Đình T và Nguyễn Viết D phải trả cho anh H1, anh H, vợ chồng chị M anh C số tiền mỗi bị cáo là 31.986.000đồng (*Ba mươi một triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng*).

* Buộc bị cáo Võ Như H trả lại số tiền thu lời bất chính cho anh Phạm Văn H1 số tiền 12.668.950đồng, làm tròn số 12.669.000đồng (*Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn đồng*); Trả cho anh Phùng Xuân H1 số tiền 6.947.489đồng, làm tròn số 6.947.000đồng (*Sáu triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*).

* Buộc bị cáo Đinh Thị T1 trả lại số tiền thu lời bất chính cho Phùng Xuân H số tiền 6.947.489đồng, làm tròn số 6.947.000đồng (*Sáu triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*); Trả cho vợ chồng chị M, anh C số tiền 11.171.689đồng, làm tròn số 11.172.000đồng (*Mười một triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng*).

Sau khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh huyện Tân Lạc 01 chiếc xe ô tô BKS 28A-200.13 hiệu Avanza để đảm bảo cho khoản vay giữa bị cáo H và Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh Tân Lạc theo quy định.

- Tịch thu phát mãi sung công 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro max, màu xanh rêu số IMEI: 358538325210349 cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Viết D và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max màu trắng số IMEI: 353776393370414 cũ đã qua sử dụng của Đinh Thị T1.

- Đối với 01 USB ghi âm do anh Phùng Xuân H giao nộp; 01 quyển vở ô ly; 01 giấy nhận nợ mang tên Võ Như H; 02 giấy nhận nợ mang tên Nguyễn Thị M; 01 giấy nhận nợ mang tên Phùng Xuân H; 01 hợp đồng mua bán xe ô tô giữa chị Trần Thị Kim T, anh Phạm Văn H1 với Võ Như H. Các vật chứng trên là chứng cứ của vụ án nên được lưu theo hồ sơ vụ án.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 34 ngày 28/8/2024 giữa Công an tỉnh Hòa Bình và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Lạc).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Nguyễn Đình T, Võ Như H, Nguyễn Viết D và Đinh Thị T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- VKSND huyện Tân Lạc, tỉnh HB;
- Công an tỉnh HB;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Tân Lạc;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

(đã ký tên, đóng dấu)

Hà Thị Yến

